TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 52/2019/DS-PT
Ngày 02-4-2019
V/v tranh chấp BTTH
về tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Tặng

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Thanh Tấn

Ông Ngô Tấn Lợi

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Hoàng Minh-Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Phan Trung Quốc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 236/2018/TLPT-DS ngày 26 tháng 12 năm 2018 về việc: *"Tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài sản"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 61/2018/DS-ST ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện M2 bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 51/2019/QĐ-PT ngày 22 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1966;

Người đại diện hợp pháp của bà X: Ông Huỳnh Văn N, sinh năm 1942. Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 29/3/2019).

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã M1, huyện M2, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn:

1. Ông Mai Văn Bé C, sinh năm 1967;

2. Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1967;

3. Chị Mai Thị Mỹ H1, sinh năm 1985;

4. Anh Mai Trung T, sinh năm 1989;

5. Anh Mai Trung H2, sinh năm 1990;

Người đại diện hợp pháp của bà H, chị H1, anh T, anh H2: Ông Mai Văn Bé C, sinh năm 1967. Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 27/3/2019).

Cùng địa chỉ: 2355,Ấp M, xã M1, huyện M2, tỉnh Đồng Tháp

- Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị X là nguyên đơn.

Ông N, ông C có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn Bà Nguyễn Thị X trình bày:

Nguyên trước đây hộ ông Bé C có lấn sang phần đất bà với diện tích 344,5m^2 sau đó có xảy ra tranh chấp và bà có gửi đơn đến Tòa án huyện M2 để giải quyết. Trong thời gian tranh chấp thì hộ ông Bé C vẫn canh tác trên phần đất của bà từ năm 2002 đến ngày 01/11/2017. Đến ngày 23/9/2016 Tòa án Tỉnh Đồng Tháp đã ra bản án số 252/2016/DS – PT tuyên hộ ông Bé C trả lại bà phần đất đã lấn sang là 344,5m^2. Nhưng đến ngày 02/11/2017 thì hộ ông Bé C mới chịu giao đất cho bà. Thời gian mà hộ ông Bé C canh tác trên diện tích 344,5m^2 từ năm 2002 đến tháng 11/2017 là 15 năm. Mỗi năm bà sử dụng 3 vụ lúa, mỗi vụ lúa là 10 giạ, mỗi giạ giá 80.000đ. Tổng cộng 15 năm là 450 giạ với số tiền là 36.000.000đ. Nhưng từ năm 2002 đến năm 2006 thì bà cho người khác thuê, bà bắt đầu canh tác từ năm 2007. Nay, bà yêu cầu ông Mai Văn Bé C, Nguyễn Thị Thu H, Mai Thị Mỹ H1, Mai Trung Th, Mai Trung H2 có nghĩa vụ trả lại số tiền mà đã canh tác trên phần diện tích đất 344,5m^2 từ năm 2007 đến ngày 01/11/2017 là 24.000.000đ (Hai mươi bốn triệu đồng), bà đồng ý bớt 4.000.000đ còn lại 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

* Bị đơn ông Mai Văn Bé C và ông C là người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn Nguyễn Thị Thu H, chị Mai Thị Mỹ H1, anh Mai Trung T, Mai Trung H2 trình bày:

Năm 1988, ông có nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn L phần đất từ kinh Nhì ấp M về đầu ngàn giáp ấp A, trọn thửa. Khi chuyển nhượng không có đo đạc, phần đất giáp ranh với đất của cụ Trần Thị C1 là mẹ của bà X.

Vào khoảng năm 1994-1995 ông cùng cụ C1 và một số hộ khác được Quân khu 9 trả lại phần đất tràm, từ kênh 500 về kênh đầu ngàn. Trong thời gian khai mở ông cùng cụ C1 có chừa 1m để đắp bờ ranh, canh tác. Về phần đất của ông, ông có san lấp con mương ven phần đất trồng tràm chiều ngang

khoảng 05m chiều dài hết thửa đất, tiếp giáp với đất của Quân khu 9 quản lý và các hộ dân.

Đến năm 1999, ông cùng hộ cụ C1 và các hộ khác được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi thực hiện cấp giấy thì nhà nước chỉ căn cứ vào mỗi phần đất chiều ngang 12 tầm, chiều dài 500m, mỗi thửa là 14.000m^2 để cấp giấy chứ không có đo đạc thực tế.

Ranh giới quyền sử dụng đất giữa đất của ông và đất của cụ C1 có sẵn từ đó đến nay không thay đổi. Đến năm 2013, bà X phát sinh tranh chấp cho rằng ông lấn chiếm phần diện tích 845m^2. Trong quá trình giải quyết Tòa án có đo đạc thực tế giữa hai thửa đất thì thửa đất của ông thừa 1.445,9m^2, còn thửa đất bà X thiếu 344,5m^2. Do đó, ông đã tự nguyện giao cho bà X diện tích 344,5m^2 để đủ diện tích theo giấy. Việc này đã thể hiện rõ ràng trong nội dung của hai bản án sơ, phúc thẩm.

Nay bà X yêu cầu hộ ông bồi thường thiệt hại số tiền 24.000.000đ do ông lấn chiếm sử dụng phần đất trên, vợ chồng ông không đồng ý, ông chỉ đồng ý hỗ trợ cho bà X 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) vì chỗ tình làng nghĩa xóm ông không muốn tranh chấp.

Tại quyết định bản án dân sự sơ thẩm số: 61/2018/DS-ST ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện M2 đã xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu của Bà Nguyễn Thị X.

Hộ ông Mai Văn Bé C, Mai Thị Thu H, Mai Thị Mỹ H1, Mai Trung Th, Mai Trung H2 bồi thường cho bà X 7.000.000đ (Bảy triệu đồng).

Không chấp nhận một phần yêu cầu của bà X đòi hộ ông C bồi thường thiệt hại 13.000.000đ.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà X đòi hộ ông C bồi thường thiệt hại 16.000.000đ

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà X, mà ông C chưa thi hành xong số tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại khoản 1, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành án xong.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Hộ ông C, bà H, chị H1, anh Tính, anh Hiếu nộp 350.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 650.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 900.000 đồng theo lai thu số 01710, ngày 08/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M2. Bà X được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 250.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 19 tháng 11 năm 2018, Bà Nguyễn Thị X kháng cáo đối với Bản án sơ dân sự thẩm số: 61/2018/DS-ST ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện M2, tỉnh Đồng Tháp, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà, buộc hộ ông C bồi thường thiệt hại số tiền 20.000.000đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát Tỉnh, phát biểu việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng chấp hành tốt quy định của pháp luật và đề xuất hướng giải quyết là không chấp nhận kháng cáo của Bà Nguyễn Thị X.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguồn gốc phần đất bà X đang quản lý sử dụng là của cụ Trần Thị C1 mẹ bà X, để lại cho bà X, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 14.000m^2. Bà X cho rằng trong quá trình sử dụng hộ ông C đã lấn chiếm diện tích 845m^2 nên năm 2013 bà khởi kiện ông C, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện M2 giải quyết buộc hộ ông C giao trả diện tích 845m^2 đất lấn chiếm. Tòa án nhân dân huyện M2 xét xử chấp nhận sự tự nguyện của hộ ông C giao cho bà X phần đất 334,8m^2 cho đủ 14.000m^2, bà X không đồng ý nên kháng cáo, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Tòa án Tỉnh không chấp nhận kháng cáo của bà X, tuyên hộ ông C giao cho bà X diện tích đất 344,5m^2 (do Tòa án huyện M2 tuyên sai diện tích). Nay bà X yêu cầu hộ ông C bồi thường phần hoa lợi bị thiệt hại do không canh tác được trên phần đất diện tích 344,5m^2 do bị ông C lấn chiếm từ năm 2007 đến năm 2017 là 36.000.000 đồng, tại phiên tòa sơ thẩm bà rút lại một phần yêu cầu của mình, chỉ yêu cầu hộ ông C bồi thường số tiền 20.000.000 đồng. Ông C xác định không có lấn ranh phần đất của bà X, nên không đồng ý theo yêu cầu của bà X. Tuy nhiên, ông C tự nguyện hỗ trợ cho bà X 7.000.000 đồng, bà X không đồng ý.

[2] Xét thấy, bà X yêu cầu hộ ông C bồi thường thiệt hại do đất bị lấn chiếm là cho bà X không canh tác được trong khoảng thời gian năm 2007 đến năm 2017. Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 252/2016/DS-PT ngày 23/9/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp nhận định: Theo văn bản của Ủy ban nhân dân huyện M2 xác định khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà X và ông C không có đo đạc, khảo sát thực tế. Vì vậy, không thể căn cứ

vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để xác định ranh giới…và bà X không có chứng cứ chứng minh ông C lấn ranh sang phần đất của bà X. Tuy nhiên, do hộ ông C tự nguyện giao trả cho bà diện tích 344,5m^2 cho đủ 14.000m^2, nên Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm, phúc thẩm chấp nhận. Vì thế, việc bà Chính cho rằng ông C lấn chiếm đất, nên yêu cầu hộ ông C bồi thường thiệt hại là không phù hợp.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm ông N đại diện cho bà X xác định rằng ông C lấn chiếm đất và xảy ra tranh chấp từ năm 2007-2008, nhưng đến năm 2012 bà X mới khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp ranh đất, việc bà X yêu cầu bồi thường thiệt hại từ năm 2007 đến 2017 là chưa phù hợp bởi vì: Theo quy định tại Điều 588 Bộ luật dân sự năm 2015, thì thời hiệu khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm. Như vậy, trong trường hợp ông C có lấn chiếm phần đất của bà X thì bà X có quyền khởi kiện yêu cầu ông C bồi thường thiệt hại từ năm 2015 đến năm 2017, còn khoảng thời gian từ năm 2007 đến 2014 đã hết thời hiệu khởi kiện.

Mặt khác, phần đất ông C tự nguyện giao trả cho bà X 344,5m^2 trong đó có một phần bờ đê (bờ ranh) giữa ông C và bà X sử dụng chung từ trước đến nay, không sản xuất lúa được. Tại phiên tòa phúc ông N đại diện cho bà X xác định bờ đê có diện tích 0,3m x 433,8m = 130m^2, phần diện tích 214,4m^2 còn lại là đất ruộng và mỗi năm sản xuất 03 vụ được 100 giạ lúa/1.000m^2, nên tổng số tiền thu được từ việc canh tác từ năm 2015 đến năm 2017 sẽ là: 214,4m^2 x 100 giạ : 1.000m^2 = 24,14 giạ/năm x 3 năm x 80.000 đồng = 5.794.000 đồng. Việc ông C tự nguyện hỗ trợ cho bà X số tiền 7.000.000 đồng là hướng có lợi cho bà X, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Án sơ thẩm xác định ông C không có lấn chiếm đất của bà X, hộ ông C tự nguyện hỗ trợ cho bà X 7.000.000 đồng, nhưng án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà X, buộc hộ ông C bồi thường thiệt hại cho bà X là 7.000.000 đồng và buộc hộ ông C phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là chưa phù hợp, nên Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm về án phí và cách tuyên án.

[4] Xét đề nghị của Viện kiểm sát không chấp nhận kháng cáo của Bà Nguyễn Thị X là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những cơ sở trên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Bà Nguyễn Thị X, sửa Bản án dân sự sơ thẩm về án phí và cách tuyên án.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Do kháng cáo của bà X không được chấp nhận, nên bà X phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản khoản 1 Điều 148, khoản 1, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của Bà Nguyễn Thị X.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 61/2018/DS-ST ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện M2, tỉnh Đồng Tháp về án phí và cách tuyên án.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị X.

Chấp nhận sự tự nguyện của hộ ông Mai Văn Bé C về việc ông Mai Văn Bé C, bà Nguyễn Thị Thu H, chị Mai Thị Mỹ H1, anh Mai Trung Th, anh Mai Trung H2 tự nguyện hỗ trợ cho Bà Nguyễn Thị X số tiền 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà X về việc yêu cầu hộ ông C bồi thường thiệt hại 16.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà X cho đến khi thi hành án xong, hộ ông C còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí:

- Ông C, bà H, chị H1, anh T, anh H2 không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị X phải chịu 650.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, tổng cộng 950.000 đồng. Số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm, phúc thẩm bà X đã nộp tổng cộng là 1.200.000 đồng theo biên lai thu số 01710 ngày 08/12/2017 và 0003940 ngày 19/11/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M2 được khấu trừ vào số tiền án phí bà X phải nộp. Bà X được nhận lại số tiền 250.000 đồng.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành

án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND Tỉnh;
- TAND H. M2;
- CCTHADS H. M2;
- Phòng KTNV-THA TA tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án (T).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚCTHẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tấn Tặng